

Bản án số: **18/2024/HNGĐ-ST**

Ngày **15-3-2024**

V/v: *“Ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BT**

**Với tHnh phần Hội đồng xét xử gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bích Thị Kim Pháp

- Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Bích Lam

+ Ông Phạm Văn Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Nga - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện TP, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 553/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc *“Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐ-HPT ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện TP, giữa các đương sự:

**1/ Nguyên đơn:** Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 08, thôn BS, xã BT, huyện BB, tỉnh BT.

**2/ Bị đơn:** Ông **Nguyễn G**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nH 235, đường Phạm Ngọc Th, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh BT.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn trình bày: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn G xác lập quan hệ vợ chồng năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị

trần PRC (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 165; Quyền số: 01/2009 ngày 04 tháng 6 năm 2009). Bà với ông Nguyễn G xác lập hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng chỉ hạnh phúc được 03 (ba) năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do ông Nguyễn G lười biếng không lo làm ăn, tôi đã cố gắng khuyên nhưng không có kết quả và ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Đến năm 2016 thì sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, tôi về sống ở xã BT, huyện BB còn ông Nguyễn G sống ở thị trấn PRC, huyện TP. Nay tôi thấy hôn nhân không gắn liền được, tôi không còn tình cảm với ông Nguyễn G, tôi xin được ly hôn.

- Về con chung của vợ chồng: có 01 (một) người con; tên Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 23-01-2011; Giới tính: Nữ.

Hiện nay con chung đang sống chung với bà H. H xin nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông Nguyễn G cấp dưỡng con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn G: Do ông Nguyễn G, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa không ghi được lời khai của ông Nguyễn G.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

Về hôn nhân: Bà Phan Thị H được ly hôn với ông Nguyễn G.

Về con chung: Giao cho bà Phan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tên Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 23-01-2011; Giới tính: Nữ đến khi thành niên. Bà H không yêu cầu ông Giác cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: bà Phan Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn G có nơi cư trú tại thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh BT. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phan Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BT được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do ông Nguyễn G thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú và không rõ thời điểm trở về nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt ông Nguyễn G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà Phan Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn G được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh BT vào năm 2009. Vì vậy, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3.1] Về hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn G thực sự đã mâu thuẫn trong thời gian dài. Cuộc sống chung của vợ chồng chỉ hạnh phúc được 03 (ba) năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do ông Nguyễn G lười biếng không lo làm ăn, bà H đã cố gắng khuyên nhưng không có kết quả và ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Bà và ông Nguyễn G bỏ mặc nhau không ai quan tâm đến ai, hiện nay bà không còn tình cảm với ông Giác nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn G.

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị CHm – Phó khu phố Song Thanh 03, thị trấn PRC tại biên bản xác minh ngày 31 tháng 01 năm 2024 nơi ông Nguyễn G sinh sống phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Phan Thị H, ông Nguyễn G không quan tâm đến nhau nữa, tình cảm không còn. Điều đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị H đối với ông Nguyễn G.

**[3.2]** Về con chung: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn G có 01 (một) người con; tên Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 23-01-2011; Giới tính: Nữ.

Hiện nay con đang sống chung với bà H, bà H xin nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi tHnh niên.

Xét thấy, yêu cầu của bà H là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ con hiện nay đang sống cùng bà H, bà H người gồng gánh lo toan gia đình và bà H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên giao cho chung Nguyễn Kim Ng cho bà H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con bà H không có yêu cầu ông Nguyễn G phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3.3]** Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4]** Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**[5]** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **[1] Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 19, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

### **[2] Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị H được ly hôn với ông Nguyễn G.

- Về con chung: Giao cho bà Phan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 23-01-2011; Giới tính: Nữ đến khi trưởng tHnh.

Ông Nguyễn G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Phan Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Phan Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0017134 do Chi cục thi Hình án dân sự huyện TP cấp ngày 16 tháng 6 năm 2023, bà Phan Thị H đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo của bà Phan Thị H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15-3-2024), ông Nguyễn G vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh BT;
- Chi cục THADS huyện TP;
- UBND thị trấn PRC  
(GCNKH số: 165; Quyển số: 01/2009  
ngày 04 tháng 6 năm 2009);
- Lưu vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bích Thị Kim Pháp**